

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	06 – 09
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 – 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 7 1 2 0

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo tài chính này (từ trang 06 đến trang 27).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

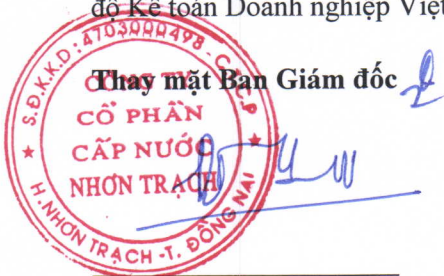
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2015

Số 022/2015/BCKT-AATHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014, từ trang 06 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HEAD OFFICE:

Address: R.2407, Building 34T, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Trung Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Vietnam
Ref Office: R1501, Building 17T5, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Vietnam
Tel: 84.4.2.2210082 / 84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.22100084
Email: info@aat.com.vn - Website: www.aat.com.vn

HO CHI MINH CITY BRANCH:

Address: R11.5, Block B, Indochina Park Tower,
4 Nguyen Dinh Chieu Str., Da Kao Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: 84.8.39 11 88 39 - Fax: 84.8.39 11 89 39
Email: aat.hcm@aat.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh**



Trương Quang Trung - Giám đốc
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1752-2013-141-1

Phạm Thị Anh Khoa - Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1521-2013-141-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.985.098.675	99.204.784.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	75.544.687.814	42.446.263.274
1. Tiền	111		6.694.017.025	2.282.434.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.850.670.789	40.163.828.618
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.642.843.703	18.776.213.117
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	32.436.939.173	18.388.265.384
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	398.834.658	2.233.894.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	122.567.098	456.237.051
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2.315.497.226)	(2.302.183.780)
IV. Hàng tồn kho	140		9.586.654.158	7.658.555.192
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.586.654.158	7.658.555.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		210.913.000	323.753.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	210.913.000	323.753.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.689.409.757	50.627.535.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.689.409.757	50.627.535.651
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40.013.077.425	49.541.076.373
<i>Nguyên giá</i>	222		108.352.613.010	119.223.122.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68.339.535.585)	(69.682.046.459)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	32.500.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		45.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.500.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.643.832.332	1.086.459.278
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>179.674.508.432</u>	<u>149.832.320.234</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.444.731.120	20.156.908.111
I. Nợ ngắn hạn	310		19.444.731.120	20.156.908.111
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	2.727.548.023	3.650.890.064
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	125.993.845	168.929.807
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.610.483.289	3.917.047.584
5. Phải trả người lao động	315	V.15	5.012.173.496	4.488.103.909
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	287.753.314	518.498.633
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	9.680.779.153	7.413.438.114
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.229.777.312	129.675.412.123
I. Vốn chủ sở hữu	410		160.229.777.312	129.675.412.123
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	6.043.138.411	6.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.18	57.082.330.312	43.130.106.967
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.18	5.000.000.000	4.348.752.713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	42.104.308.589	26.153.414.032
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.674.508.432	149.832.320.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014



Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	117.674.983.470	122.535.796.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	11.958.011	21.426.658
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	117.663.025.459	122.514.370.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.490.749.509	76.645.560.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.172.275.950	45.868.809.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.438.955.977	3.956.731.033
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		289.277.952	245.248.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.399.297.138	8.009.212.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.922.656.837	41.571.080.233
11. Thu nhập khác	31	VI.5	15.085.819.211	19.905.143
12. Chi phí khác	32	VI.6	14.982.900.935	-
13. Lợi nhuận khác	40		102.918.276	19.905.143
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.025.575.113	41.590.985.376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	11.921.266.524	10.437.571.344
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42.104.308.589</u>	<u>31.153.414.032</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>8.421</u>	<u>6.231</u>

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.025.575.113	41.590.985.376
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	7.466.749.745	11.145.532.647
- Các khoản dự phòng	03	V.6	13.313.446	712.400.428
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		14.392.846.138	(3.185.483.940)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.898.484.442	50.263.434.511
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.619.881.810)	(3.166.881.566)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.928.098.966)	(832.031.881)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.479.214.677)	(2.860.887.819)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(14.296.169.377)	(9.050.853.231)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(908.002.861)	(3.949.253.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.667.116.751	30.403.526.075
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(19.296.554.112)	(5.668.096.633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.227.861.901	3.482.655.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.068.692.211)	(32.185.440.969)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(7.500.000.000)	(15.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.500.000.000)	(15.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		33.098.424.540	(16.781.914.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.446.263.274	59.228.178.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	75.544.687.814	42.446.263.274

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 7 1 2 0

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	21.521.529	74.102.166
Tiền gửi ngân hàng	6.672.495.496	2.208.332.490
Các khoản tương đương tiền (*)	68.850.670.789	40.163.828.618
Cộng	<u>75.544.687.814</u>	<u>42.446.263.274</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch.

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản cho vay ngắn hạn kỳ hạn 03 tháng cho các Công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

Là các khoản phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cấp nước (*)	9.843.275.142	11.411.250.094
Khách hàng xây lắp (**)	5.980.118.433	6.977.015.290
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (***)	16.613.545.598	-
Cộng	<u>32.436.939.173</u>	<u>18.388.265.384</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chuẩn thu tiền nước tháng 12/2014	9.815.090.991	11.380.296.012
Tồn thu hóa đơn tiền nước các tháng trước	28.184.151	30.954.082
Cộng	<u>9.843.275.142</u>	<u>11.411.250.094</u>

(**) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	2.616.887.008	3.848.587.504
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đại Phước	341.982.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	98.651.583	633.055.937
Các khách hàng khác	651.478.168	224.252.775
Cộng	<u>5.980.118.433</u>	<u>6.977.015.290</u>

(***) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Phải thu lãi tiền vay	147.222.222	-
Cộng	<u>16.613.545.598</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước cho nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn	177.111.000	98.395.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thanh Ngọc	84.722.736	-
Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai	68.740.000	68.740.000
Trung tâm Địa chính nhà đất tỉnh Đồng Nai	42.260.922	42.260.922
Các nhà cung cấp khác	203.111.000	2.122.893.540
Cộng	398.834.658	2.233.894.462

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	82.260.000	-
Bảo hiểm xã hội	34.207.534	-
Bảo hiểm y tế	3.649.061	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.450.503	-
Lãi vay phải thu	-	325.000.000
Phải thu khác	-	131.237.051
Cộng	122.567.098	456.237.051

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.302.183.780	1.589.783.352
Trích lập dự phòng	13.313.446	712.400.428
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm (*)	2.315.497.226	2.302.183.780

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074
Lê Văn Tùng	44.378.152
Cộng	2.315.497.226

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.224.689.546	7.658.555.192
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	361.964.612	-
Cộng	9.586.654.158	7.658.555.192

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là tạm ứng của công nhân viên, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Đế Nghiêu	52.913.000	52.913.000
Trần Thanh Đăng	44.000.000	44.000.000
Các đối tượng khác	114.000.000	226.840.000
Cộng	210.913.000	323.753.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.495.585.086	17.627.431.669	81.852.214.977	247.891.100	119.223.122.832
Tăng trong năm	4.547.325.165	2.754.896.690	9.391.959.203	-	16.694.181.058
Mua sắm mới	-	993.981.600	-	-	993.981.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.547.325.165	1.760.915.090	9.391.959.203	-	15.700.199.458
Giảm trong năm	(982.830.336)	(305.162.459)	(26.276.698.085)	-	(27.564.690.880)
Thanh lý, nhượng bán	(982.830.336)	(305.162.459)	(26.276.698.085)	-	(27.564.690.880)
Số cuối năm	23.060.079.915	20.077.165.900	64.967.476.095	247.891.100	108.352.613.010
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.685.173.404	8.436.712.255	14.541.801.511	130.000.000	31.793.687.170
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.851.071.504	11.866.753.804	44.739.741.162	224.479.989	69.682.046.459
Tăng trong năm	2.552.715.908	1.852.516.752	6.717.070.751	10.033.332	11.132.336.743
Khấu hao trong năm	2.552.715.908	1.852.516.752	6.717.070.751	10.033.332	11.132.336.743
Giảm trong năm	(153.664.340)	(150.614.557)	(12.170.568.720)	-	(12.474.847.617)
Thanh lý, nhượng bán	(153.664.340)	(150.614.557)	(12.170.568.720)	-	(12.474.847.617)
Số cuối năm	15.250.123.072	13.568.655.999	39.286.243.193	234.513.321	68.339.535.585
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.644.513.582	5.760.677.865	37.112.473.815	23.411.111	49.541.076.373
Số cuối năm	7.809.956.843	6.508.509.901	25.681.232.902	13.377.779	40.013.077.425

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	45.000.000	(12.500.000)	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	45.000.000	(12.500.000)	32.500.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Công trình Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.500m ³ /ngày	1.728.593.923	107.769.252
Công trình Xây mới Văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.219.464.158	631.701.455
Các công trình khác	695.774.251	346.988.571
Cộng	3.643.832.332	1.086.459.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp tư nhân Anh Tuấn	2.367.471.563	-
Công ty TNHH Việt Long	191.476.948	-
Công ty TNHH Long Trạch	45.020.606	350.735.897
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	12.350.000	1.823.570.070
Các nhà cung cấp khác	111.228.906	1.476.584.097
Cộng	2.727.548.023	3.650.890.064

13. Người mua trả tiền trước

Là các khoản khách hàng ứng trước từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng cấp nước	14.689.970	1.726
Khách hàng xây lắp (*)	111.303.875	168.928.081
Cộng	125.993.845	168.929.807

(*) Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ý Mỹ	73.254.004	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	38.049.300	38.049.300
Các khách hàng khác	571	130.878.781
Cộng	111.303.875	168.928.081

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	370.115.176	1.387.888.806	(1.356.359.620)	401.644.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.180.427.890	11.921.266.524	(14.296.169.377)	805.525.037
Thuế thu nhập cá nhân	172.264.850	812.374.261	(963.209.421)	21.429.690
Thuế tài nguyên	194.239.668	2.897.379.364	(2.810.941.392)	280.677.640
Các loại thuế, phí khác	-	1.446.420.040	(1.345.213.480)	101.206.560
Cộng	3.917.047.584	18.465.328.995	(20.771.893.290)	1.610.483.289

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.025.575.113	41.590.985.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	162.000.000	159.300.000
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	162.000.000	159.300.000
Thu nhập tính thuế	54.187.575.113	41.750.285.376
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.921.266.524	10.437.571.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương tháng 12	616.812.800	412.988.200
Lương bổ sung	2.183.187.200	2.042.480.915
Quỹ lương dự phòng 17%	2.212.173.496	2.032.634.794
Cộng	<u>5.012.173.496</u>	<u>4.488.103.909</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	26.625.815
Bảo hiểm y tế	-	3.615.432
Thưởng phải trả ban quản lý điều hành	3.592.293	28.990.293
Phải trả cổ tức	103.338.000	358.785.850
Phí môi trường	1.250.152	42.485.838
Phải trả phải nộp khác	179.572.869	57.995.405
Cộng	<u>287.753.314</u>	<u>518.498.633</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.163.454.765	1.557.670.700	(72.950.000)	5.648.175.465
Quỹ phúc lợi	3.249.983.349	1.617.673.200	(835.052.861)	4.032.603.688
Cộng	<u>7.413.438.114</u>	<u>3.175.343.900</u>	<u>(908.002.861)</u>	<u>9.680.779.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	6.043.138.411	28.219.428.276	2.829.808.890	30.378.876.453	117.471.252.030
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	31.153.414.032	31.153.414.032
Trích quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	14.910.678.691	1.518.943.823	(16.429.622.514)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	-	(3.078.147.146)	(3.078.147.146)
Trích quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và Quản lý	-	-	-	-	(871.106.793)	(871.106.793)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức đợt 1/2013	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	6.043.138.411	43.130.106.967	4.348.752.713	26.153.414.032	129.675.412.123
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	6.043.138.411	43.130.106.967	4.348.752.713	26.153.414.032	129.675.412.123
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.104.308.589	42.104.308.589
Trích quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	13.952.223.345	651.247.287	(14.603.470.632)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	-	(3.115.341.400)	(3.115.341.400)
Trích quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và Quản lý	-	-	-	-	(934.602.000)	(934.602.000)
Chia cổ tức đợt 2/2013	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	6.043.138.411	57.082.330.312	5.000.000.000	42.104.308.589	160.229.777.312

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	26.218.680.000	26.218.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	23.781.320.000	23.781.320.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	7.500.000.000	10.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	5.000.000.000
Cộng	7.500.000.000	15.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>
Lãi vay chưa thu được bằng tiền	147.222.222
Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	16.466.323.376

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	117.674.983.470	122.535.796.991
- Doanh thu hoạt động cấp nước	111.302.162.700	116.048.088.261
- Doanh thu hoạt động xây lắp	6.372.820.770	6.487.708.730
Các khoản giảm trừ doanh thu:	11.958.011	21.426.658
- Hàng bán bị trả lại	11.958.011	21.426.658
Doanh thu thuần	<u>117.663.025.459</u>	<u>122.514.370.333</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động cấp nước	111.302.162.700	116.048.088.261
- Doanh thu hoạt động xây lắp	6.360.862.759	6.466.282.072

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cấp nước (*)	54.443.397.992	71.491.810.839
Giá vốn hoạt động xây lắp (**)	6.047.351.517	5.153.749.566
Cộng	<u>60.490.749.509</u>	<u>76.645.560.405</u>

() Giá vốn hoạt động cấp nước:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	19.799.191.100	41.439.733.983
Chi nhân công trực tiếp	9.403.147.971	7.806.002.528
Chi phí sản xuất chung	25.241.058.921	22.246.074.328
Giá vốn hoạt động cấp nước	<u>54.443.397.992</u>	<u>71.491.810.839</u>

*(**) Giá vốn hoạt động xây lắp:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	3.374.716.646	3.753.938.368
Chi nhân công trực tiếp	3.034.599.483	996.597.196
Chi phí sản xuất chung	-	403.214.002
Tổng chi phí sản xuất	<u>6.409.316.129</u>	<u>5.153.749.566</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(361.964.612)	-
Giá vốn của hoạt động xây lắp	<u>6.047.351.517</u>	<u>5.153.749.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	63.871.854	149.075.369
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.459.111.901	2.707.655.664
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây lắp Cấp nước Đồng Nai	531.250.000	-
Lãi Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai vay	1.384.722.222	1.100.000.000
Cộng	<u>4.438.955.977</u>	<u>3.956.731.033</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.194.137.491	5.598.512.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.968.482	265.715.964
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.533.332	211.948.196
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	36.457.000
Chi phí dự phòng	13.313.446	712.400.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.814.300	585.639.724
Chi phí bằng tiền khác	477.530.087	598.539.155
Cộng	<u>7.399.297.138</u>	<u>8.009.212.496</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý TSCĐ	14.969.384.887	-
Thu nhập khác	116.434.324	19.905.143
Cộng	<u>15.085.819.211</u>	<u>19.905.143</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	14.952.699.303	-
Chi phí khác	30.201.632	-
Cộng	<u>14.982.900.935</u>	<u>-</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.104.308.589	31.153.414.032
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.104.308.589	31.153.414.032
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.421</u>	<u>6.231</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.899.553.794	46.203.186.796
Chi phí nhân công	18.631.884.945	15.096.961.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.144.836.743	11.145.532.647
Chi phí dự phòng	13.313.446	712.400.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.637.738.199	8.287.454.225
Chi phí khác	6.213.962.084	3.454.485.471
Cộng	<u>68.541.289.211</u>	<u>84.900.021.133</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	198.000.000	190.500.000
Thù lao Ban Kiểm soát	72.000.000	69.300.000
Lương Ban Giám đốc	1.975.668.477	1.651.689.419
Cộng	<u>2.245.668.477</u>	<u>1.911.489.419</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Mua nước sạch	17.809.221.100	40.095.245.400
Cho vay	-	20.000.000.000
Lãi cho vay	1.384.722.222	1.100.000.000
Trả cổ tức	3.932.802.000	7.865.604.000
Bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Bảo lãnh thực hiện HĐ di dời ống D400 đường 319	82.260.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu tiền vay	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	531.250.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền cho vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu tiền lãi vay	147.222.222	325.000.000
Phải thu từ bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Phải thu khác	82.260.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền cho vay	-	10.000.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>36.695.805.598</u>	<u>30.325.000.000</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải trả tiền mua nước	12.350.000	1.823.570.070
Cộng nợ phải trả	<u>12.350.000</u>	<u>1.823.570.070</u>

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.544.687.814	42.446.263.274	75.544.687.814	42.446.263.274
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	32.436.939.173	18.388.265.384	30.121.441.947	16.086.081.604
Tài sản tài chính khác	122.567.098	456.237.051	122.567.098	456.237.051
Cộng	<u>128.104.194.085</u>	<u>91.290.765.709</u>	<u>125.788.696.859</u>	<u>88.988.581.929</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.727.548.023	3.650.890.064	2.727.548.023	3.650.890.064
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.610.483.289	3.917.047.584	1.610.483.289	3.917.047.584
Phải trả người lao động	5.012.173.496	4.488.103.909	5.012.173.496	4.488.103.909
Các khoản phải trả khác	9.968.532.467	7.931.936.747	9.968.532.467	7.931.936.747
Cộng	<u>19.318.737.275</u>	<u>19.987.978.304</u>	<u>19.318.737.275</u>	<u>19.987.978.304</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.'

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	2.727.548.023	-	2.727.548.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.610.483.289	-	1.610.483.289
Phải trả người lao động	5.012.173.496	-	5.012.173.496
Các khoản phải trả khác	9.968.532.467	-	9.968.532.467
Cộng	19.318.737.275	-	19.318.737.275
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	3.650.890.064	-	3.650.890.064
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.917.047.584	-	3.917.047.584
Phải trả người lao động	4.488.103.909	-	4.488.103.909
Các khoản phải trả khác	7.931.936.747	-	7.931.936.747
Cộng	19.987.978.304	-	19.987.978.304

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

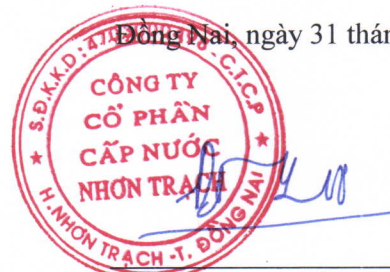
Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014



Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

